

Mục lục

1	Một số dịch vụ lưu trữ đám mây trên Ubuntu	1
1.1	Grive	1
1.1.1	Giới thiệu về Grive	1
1.1.2	Cài đặt Grive	1
1.1.3	Thiết lập tài khoản người dùng Grive	1
1.1.4	Đồng bộ dữ liệu với Grive	2
1.1.5	Các lệnh của ứng dụng Grive	3
1.2	Dropbox	4
1.2.1	Giới thiệu về Dropbox	4
1.2.2	Đăng ký tài khoản Dropbox	4
1.2.3	Cài đặt Dropbox	5
1.2.4	Sử dụng Dropbox đồng bộ dữ liệu giữa máy tính và dữ liệu trên web	6
1.2.5	Các lệnh của ứng dụng Dropbox	7

Danh sách hình vẽ

1.1	Cho phép liên kết đến tài khoản sử dụng Grive	3
1.2	Đăng ký tài khoản Dropbox	5
1.3	Sử dụng địa chỉ <i>Gmail</i> để đăng ký Dropbox	6
1.4	Ứng dụng Dropbox trong Ubuntu Software Center	6
1.5	Ứng dụng Dropbox trên Ubuntu	6
1.6	Mở ứng dụng Dropbox trên Ubuntu	7

Chương 1

Sử dụng một số dịch vụ lưu trữ đám mây trên Ubuntu

1.1 Grive

1.1.1 Giới thiệu về Grive

- Với hệ điều hành Ubuntu, bạn không sử dụng được ứng dụng Google Drive như trên hệ điều hành Windows, Mac hoặc Android mà thay vào đó chúng ta sử dụng ứng dụng Grive.
- Grive có thể được tải bằng mã nguồn hay bằng gói deb.
- Trong bài viết này, mình chọn cách cài đặt ứng dụng Grive bằng mã nguồn.

1.1.2 Cài đặt Grive

Gõ các lệnh sau:

```
1 $ sudo apt-add-repository ppa:nilarimogard/webupd8
2 $ sudo apt-get update
3 $ sudo apt-get install grive
```

1.1.3 Thiết lập tài khoản người dùng Grive

- Đầu tiên, tạo một thư mục mà bạn muốn động bộ hóa lên Grive khi làm việc sau này: Có thể làm theo cách dưới – tạo liên kết kết biểu tượng đến thư mục cần lưu.

```
1 $ ln -s /path/ Grive
```

- + Với `/path/` là đường dẫn đến thư mục cần lưu dữ liệu sau này khi cần đồng bộ, ví dụ `/media/minhnhut/Data/Grive/`.
- + Sau này khi thao tác, ta chỉ cần thao tác thư mục **Grive** trong `/home/minhnhut/`
- Chạy lệnh bên dưới để liên kết đến tài khoản **gmail** sử dụng **Drive**:

```
1 $ grive -a
```

- + Click chuột phải vào đường link, chọn **Copy Link Address**, dán địa chỉ vào trình duyệt web để liên kết đến tài khoản **Gmail**.
- + Xuất hiện giao diện như hình 1.1a, click chọn **Allow**.
- + Copy lại mã code mà **gmail** thông báo như hình 1.1b, để dán vào cửa sổ **Terminal** như hình 1.1c, rồi nhấn **Enter** để xác nhận:

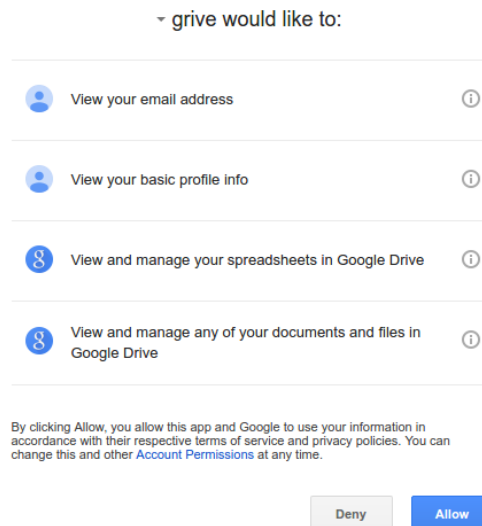
1.1.4 Đồng bộ dữ liệu với Grive

- Sau khi đã thực hiện bước cài đặt ở mục 1.1.3, ta không cần phải đăng nhập lại mỗi khi đồng bộ.
- Sử dụng lệnh sau để đồng bộ dữ liệu lên **Google Drive**:

```
1 $ grive sync
```

- Kiểm tra những gì mà **Grive** đã đồng bộ lên:

```
1 $ grive --dry-run
```



(a) Click chọn Allow

Please copy this code, switch to your application and paste it there:
4/-7K_4jOyLXJqCAB4sCeut0w2e1cPIANMKWobN

(b) Copy lại mã code

```
minhnhut@minhnhut-desktop:~/Grive$ grive -a
-----
Please go to this URL and get an authentication code:

https://accounts.google.com/o/oauth2/auth?scope=https%3A%2F%2Fwww.googleapis.com%2Fauth%2Fuserinfo.email+https%3A%2F%2Fwww.googleapis.com%2Fauth%2Fuserinfo.profile+https%3A%2F%2Fdocs.google.com%2Ffeeds%2F+https%3A%2F%2Fdocs.googleusercontent.com%2F+https%3A%2F%2Fspreadsheets.google.com%2Ffeeds%2F&redirect_uri=urn:ietf:wg:oauth:2.0:oob&response_type=code&client_id=22314510474.apps.googleusercontent.com

-----
Please input the authentication code here:
4/-7K_4jOyLXJqCAB4sCeut0w2e1cPIANMKWobN12LjJs
```

(c) Dán mã code vào của sổ Terminal

```
Reading local directories
Synchronizing folders
Reading remote server file list
Synchronizing files
sync "/Getting started" created in remote. creating local
Finished!
minhnhut@minhnhut-desktop:~/Grive$
```

(d) Kết nối đến tài khoản gmail sử dụng Grive thành công

Hình 1.1: Cho phép liên kết đến tài khoản sử dụng Grive

1.1.5 Các lệnh của ứng dụng Grive

Các lệnh mở rộng với Grive:

```
1 Grive options:
2   -h [ --help ]      Produce help message
3   -v [ --version ]   Display Grive version
4   -a [ --auth ]      Request authorization token
5   -p [ --path ] arg  Path to sync
6   -s [ --dir ] arg   Subdirectory to sync
7   -V [ --verbose ]   Verbose mode. Enable more messages than
```

8		normal.
9	--log-http arg	Log all HTTP responses in this file for
10		debugging.
11	--new-rev	Create new revisions in server for updated
12		files.
13	-d [--debug]	Enable debug level messages. Implies -v.
14	-l [--log] arg	Set log output filename.
15	-f [--force]	Force grive to always download a file from
16		Google Drive instead of uploading it.
17	--dry-run	Only detect which files need to be
18		uploaded/downloaded, without actually
19		performing them.
20	--ignore arg	Ignore files relative paths of which match
21		this Perl
22		RegExp.
23	-m [--move] arg	Syncs, then moves a file (first argument) to
24		new location (second argument) without
25		reuploading or redownloading.

1.2 Dropbox

1.2.1 Giới thiệu về Dropbox

Dropbox là một ứng dụng lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trực tuyến. Bất cứ tài liệu nào lưu vào Dropbox cũng đều được đồng bộ lên web và các thiết bị khác có kết nối đến Dropbox của bạn hoặc những người được chia sẻ mới có thể truy cập vào dữ liệu của bạn.

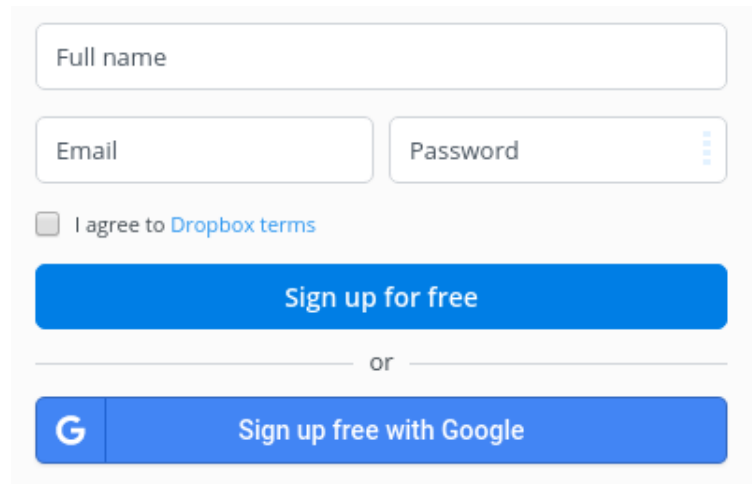
- Ưu điểm: tốc độ tải nhanh, có khả năng đồng bộ hóa dữ liệu trên web và máy tính (hoặc thiết bị di động) khi có kết nối internet.
- Nhược điểm: Dung lượng miễn phí chỉ được *2GB* lưu trữ.
- Cách tăng dung lượng sử dụng miễn phí: với mỗi người được bạn mời sử dụng Dropbox (thông qua liên kết của bạn) thì được tăng thêm *500MB* trên một lượt, dung lượng miễn phí tối đa là *16GB*.

1.2.2 Đăng ký tài khoản Dropbox

Truy cập vào địa chỉ <https://www.dropbox.com/> để đăng ký tài khoản Dropbox (nếu bạn chưa có tài khoản).

Nếu bạn chưa có tài khoản **Gmail** thì làm theo hướng dẫn bên dưới:

- Điền thông tin tài khoản Dropbox sau này:
 - + Ô **Full name**: điền tên bạn muốn hiển thị.
 - + Ô **Email**: điền Email của bạn.

The image shows the Dropbox sign-up interface. It features three input fields: 'Full name', 'Email', and 'Password'. Below the 'Email' field is a checkbox labeled 'I agree to Dropbox terms'. There are two blue buttons: 'Sign up for free' and 'Sign up free with Google'. The Google button includes the Google 'G' logo. A horizontal line with the word 'or' in the center separates the two buttons.

Hình 1.2: Đăng ký tài khoản Dropbox

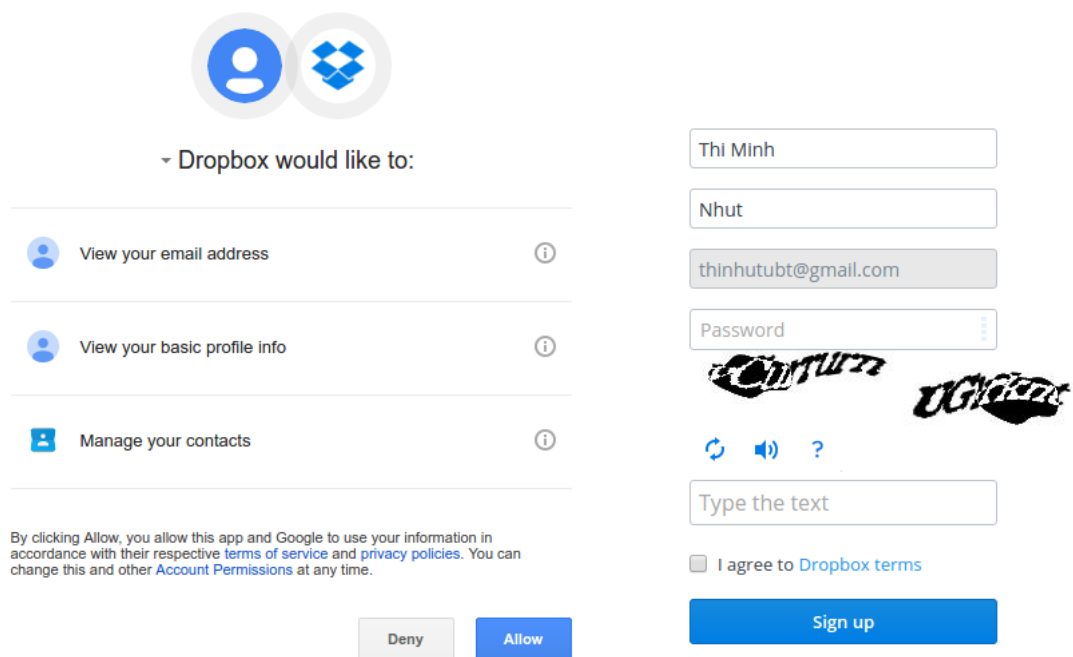
- + Ô **password**: nhập mật khẩu đăng nhập sau này vào đây.
- * Đây cũng là địa chỉ và mật khẩu bạn đăng nhập vào Dropbox sau này. Cần ghi nhớ **Email** và **Password**.
- Click chọn **I agree to Dropbox terms**.
- Click chọn **Sign up for free**.

Nếu bạn đã có tài khoản **Gmail** thì dùng tài khoản **Gmail** để đăng ký **Dropbox**, click chọn **Sign up free with Google** (hình 1.2).

- Có thể bạn sẽ cần nhập lại địa chỉ **Gmail** và **Password** của địa chỉ **Gmail** để đăng nhập **Gmail** xác nhận thông tin.
- Thông tin cần xác nhận như hình 1.3a: chọn **Allow** để xác nhận.
- Điền thông tin cho tài khoản **Dropbox** sau này, thông tin trong hình 1.3b:
 - + Ô **Password**: Nhập vào mật khẩu đăng nhập **Dropbox** sau này.
 - + Ô **Type the text**: Nhập vào mã xác nhận.
 - + Click chọn **I agree to Dropbox terms**.
 - + Click chọn **Sign up**.

1.2.3 Cài đặt Dropbox

Vào **Ubuntu Software Center**, tìm ứng dụng **Dropbox** (như hình 1.4), click chọn **Install** để cài đặt ứng dụng cho máy tính.



Dropbox would like to:

- View your email address
- View your basic profile info
- Manage your contacts

By clicking Allow, you allow this app and Google to use your information in accordance with their respective [terms of service](#) and [privacy policies](#). You can change this and other [Account Permissions](#) at any time.

Deny Allow

Thi Minh

Nhut

thinhutubt@gmail.com

Password

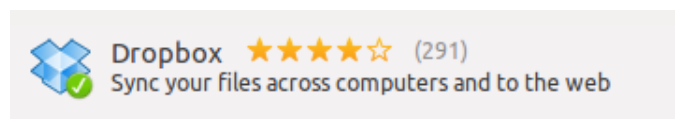
☐ I agree to [Dropbox terms](#)

Sign up

(a) Chọn Allow

(b) Điền thông tin tài khoản

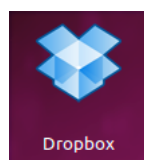
Hình 1.3: Sử dụng địa chỉ Gmail để đăng ký Dropbox



Hình 1.4: Ứng dụng Dropbox trong Ubuntu Software Center

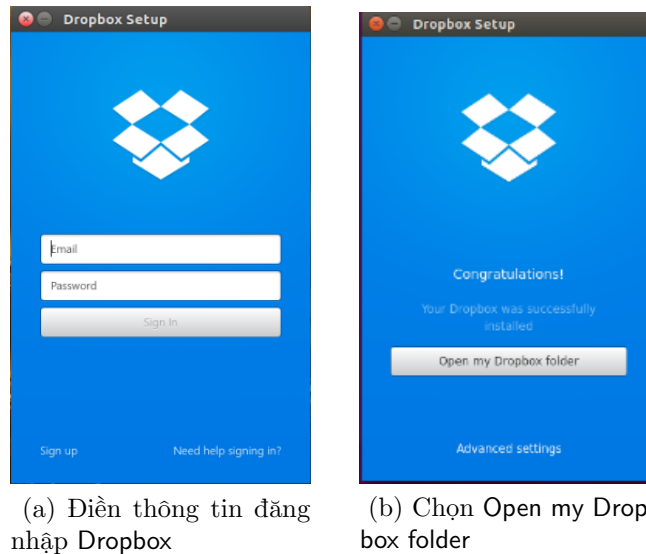
1.2.4 Sử dụng Dropbox đồng bộ dữ liệu giữa máy tính và dữ liệu trên web

- Mở ứng dụng Dopbox vừa cài đặt (tìm trong thanh Dash) như hình 1.5:



Hình 1.5: Ứng dụng Dropbox trên Ubuntu

- Điền địa chỉ Email và Password đã đăng ký ở mục 1.2.2: hình



Hình 1.6: Mở ứng dụng Dropbox trên Ubuntu

1.2.5 Các lệnh của ứng dụng Dropbox

Các lệnh dùng để tương tác với Dropbox

1	Dropbox	command-line interface
2		
3	commands:	
4		
5	Note: use dropbox help <command> to view usage for a specific command.	
6		
7	status	get current status of the dropboxd
8	help	provide help
9	puburl	get public url of a file in your dropbox
10	stop	stop dropboxd
11	running	return whether dropbox is running
12	update	download latest version of dropbox
13	start	start dropboxd
14	filestatus	get current sync status of one or more files
15	ls	list directory contents with current sync status
16	autostart	automatically start dropbox at login
17	exclude	ignores/excludes a directory from syncing
18	lansync	enables or disables LAN sync
